



## TÁC GIẢ, PHƯƠNG THỨC HÌNH THÀNH, CHỨC NĂNG CỦA BÀI THƠ *NAM QUỐC SƠN HÀ*

VŨ THANH\*

Ngày nhận bài: 04.03.2026; ngày gửi phản biện: 05.03.2026;  
ngày nhận bài sửa: 01.04.2026; ngày duyệt đăng: 10.04.2026.

### 1. Một bài thơ thu hút sự quan tâm của dư luận

Trong thời gian qua, vấn đề nguồn gốc và tác giả của bài thơ *Nam quốc sơn hà* lại một lần nữa được đưa ra bàn luận sôi nổi trên báo chí và các trang mạng nhân việc tác phẩm được đưa vào giảng dạy trong sách giáo khoa *Ngữ văn* chương trình giáo dục phổ thông<sup>1</sup>. Rất nhiều người phản đối việc cho tác giả bài thơ là khuyết danh mà không phải của Lí Thường Kiệt, hoặc tương truyền của Lí Thường Kiệt. Đây là một vấn đề mà các nhà khoa học đã đưa ra bàn luận từ lâu, nhưng các thành tựu của khoa học xã hội có lẽ chưa đến được với đông đảo bạn đọc, khiến cho nhiều người không tiếp cận hoặc không nắm được các vấn đề mà các nhà nghiên cứu đã tìm ra. Trên cơ sở của các nguồn tư liệu đã có, bài viết muốn lí giải thêm về vấn đề này qua các phương diện cơ bản như: nguồn gốc, bối cảnh ra đời, tác giả, phương thức hình thành, chức năng của bài thơ.

### 2. Về tác giả và nguồn gốc tác phẩm

Bài thơ *Nam quốc sơn hà* có nhiều văn bản khác nhau, chắc chắn đã được sử dụng, sửa chữa, bổ sung qua nhiều đời. Văn bản được sử dụng để thảo luận trong bài viết này là văn bản được in trong bộ quốc sử *Đại Việt sử kí toàn thư* (1479) của Ngô Sĩ Liên<sup>2</sup>. Bài thơ được phiên âm như sau: “*Nam quốc sơn hà Nam đế cư/ Tiệt nhiên phận định tại thiên thư/ Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm/ Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*” (Sông núi nước Nam, hoàng đế nước Nam ngự trị/ Tại sách trời đã phận định rạch ròi/ Có sao lũ giặc ngạo mạn dám đến xâm phạm?! Bay hãy chờ xem, sẽ chuốc lấy bại vong!).

\* PGS.TS. - Viện Văn học. Email: vuthanhvh@yahoo.com

<sup>1</sup> Xin xem: *Ngữ văn 9*, Tập 1, bộ Cánh diều (NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2024), 13; *Ngữ văn 8*, tập 1, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống (NXB Giáo dục, 2023), 69; *Ngữ văn 7*, tập 2, bộ Chân trời sáng tạo (NXB Giáo dục, 2024), 7.

<sup>2</sup> Ngô Sĩ Liên và những người khác, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 1, Cao Huy Giu phiên dịch (NXB Khoa học xã hội, 1967), 238.

Các học giả Bùi Duy Tân, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Thị Oanh,... đã cung cấp một số dị bản của bài thơ *Nam quốc sơn hà* với những khác biệt nhất định so với văn bản được *Việt điện u linh tập* và *Đại Việt sử kí toàn thư* xác lập sau này. Văn bản mà Bùi Duy Tân cung cấp (dựa theo bản *Trương tôn thần sự tích*, kí hiệu VHv.1268, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm) có lẽ là văn bản cổ hơn. Điều đó cho thấy bài thơ đã trải qua một quá trình luân chuyển, biến đổi qua nhiều đời và sau cùng được cố định trong bộ quốc sử *Đại Việt sử kí toàn thư*.

Để biết thêm về các văn bản *Nam quốc sơn hà*, xin xem: Đinh Gia Khánh, “Sức sống của truyền thống anh hùng trong các nhân vật chính của truyện thần thoại và cổ tích lịch sử,” trong *Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam*, Nhiều tác giả (NXB Khoa học xã hội, 1971), 139; Trần Nghĩa, “Thử xác lập văn bản bài thơ *Nam quốc sơn hà*,” Tạp chí *Hán Nôm*, số 1 (1986); Bùi Duy Tân, “Truyện thuyết về bài thơ *Nam quốc sơn hà* là vô danh không phải của Lí Thường Kiệt,” trong *Khảo và luận một số thể loại, tác gia - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, Tập 2 (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001); Nguyễn Thị Oanh, “Văn bản xưa nhất về truyền thuyết trong có bài thơ *Nam quốc sơn hà*,” Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2 (2002).

*Nam quốc sơn hà* vốn không có nhan đề, người đời sau lấy bốn chữ đầu tiên của câu đầu để đặt tên cho bài thơ. Việc đặt tên cho bài thơ có lẽ bắt đầu từ cuốn *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*<sup>1</sup>. Tác phẩm còn được gọi là *Thơ thần* do gắn với truyền thuyết về hai anh em Trương Hồng, Trương Hát - thần sông Như Nguyệt (một nhánh của sông Cầu ngày nay). Truyền thuyết ghi lại rằng: Trương tướng quân, anh tên là Hồng, em là Hát, đều là tướng giỏi của Triệu Việt Vương (524-571) trong cuộc kháng chiến anh dũng chống quân Lương xâm lược. Sau đó, Triệu Việt Vương thất bại về tay Lí Phật Tử. Lí Phật Tử xưng là Hậu Lí Nam Đế, dụ hai anh em ra cho làm quan, hai người đều nói: “Bề tôi trung không làm quan với vua đã làm hại chúa mình!”, rồi ẩn mình ở núi Phù Long. Hậu Lí Nam Đế gọi ép mấy lần hai anh em đều từ chối rồi tự vẫn để giữ tiết với chủ cũ. Truyền thuyết này được ghi chép trong các thần phả, thần tích, tiêu biểu như *Trương tôn thần sự tích* - ghi chép tại đền miếu thờ Trương Hồng, Trương Hát ở vùng sông Cầu; *Việt điện u linh tập* - tập thần tích về các vị thần đất Việt của Lí Tế Xuyên; *Lĩnh Nam chích quái* tương truyền của Trần Thế Pháp; *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên,...

Truyện “Khước địch thiện hựu trợ thuận đại vương, Uy địch dũng cảm hiển thắng đại vương” trong *Việt điện u linh tập* (1329) là văn bản cổ nhất ghi chép truyền thuyết về bài thơ *Nam quốc sơn hà*, cho biết rằng hai thần Trương Hồng, Trương Hát đã đọc bài thơ này để giúp Lí Thường Kiệt đánh giặc Tống<sup>2</sup>. Tuy nhiên, truyện “Hai thần Long Nhãn và Như Nguyệt” trong *Lĩnh Nam chích quái lục* của Trần Thế Pháp (khoảng cuối thế kỉ XIV) chỉ ghi việc Trương Hồng, Trương Hát âm phù, đọc thơ giúp Lê Hoàn (tức Lê Đại Hành) đánh quân Tống (năm 981) trên đoạn sông Đại Than (gần sông Cầu) và cung cấp một văn bản có những khác biệt nhất định với văn bản quen thuộc, chứ không ghi việc thần âm phù cho Lí Thường Kiệt<sup>3</sup>. Trong khi đó, *Đại Việt sử kí toàn thư* (1479) cũng ghi việc hai thần âm phù Lí Thường Kiệt cùng với bài thơ giống như *Việt điện u linh tập*, mà không ghi việc trợ giúp Lê Hoàn như *Lĩnh Nam chích quái lục*. Văn bản của bài thơ này ở *Việt điện u linh tập* và *Đại Việt sử kí toàn thư* giống hệt nhau<sup>4</sup>.

Trong một thời gian dài, Lí Thường Kiệt (1019-1105) được xem là người sáng tác bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Thuyết này có lẽ bắt đầu từ học giả Trần Trọng Kim (1882-1953). Trong cuốn *Việt Nam sử lược* xuất bản năm 1918, ông viết: “Lúc bấy giờ, quân nhà Tống đánh hăng lắm, Lí Thường Kiệt hết sức chống giữ, nhưng sợ quân mình có ngã lòng chẳng, bèn đặt ra một

<sup>1</sup> Đinh Gia Khánh, chủ biên, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Tập 1 (NXB Văn hóa, 1976).

<sup>2</sup> Nguyễn Đăng Na, chủ biên, *Tinh tuyển văn học Việt Nam*, Tập 3: Văn học thế kỉ X-XIV (NXB Khoa học xã hội, 2004), 260.

<sup>3</sup> Như trên, 415.

<sup>4</sup> Nguyễn Thị Oanh cho rằng hai cuốn sách trên không ghi việc thần âm phù cho Lê Hoàn vì các tác giả đứng trên lập trường đạo đức Nho giáo để phê phán Lê Hoàn (cướp ngôi của con chủ mình là Đinh Bộ Lĩnh, lấy Hoàng hậu của chủ mình là Dương Vân Nga làm vợ, đi ngược lại những chuẩn mực của đạo đức Nho giáo) nên chỉ ghi việc thần âm phù cho Lí Thường Kiệt - một người có nhân cách xứng đáng hơn theo quan điểm chính thống đương thời. Tác giả cũng đặt ra một giả thuyết là *Việt điện u linh tập* và sau này là *Đại Việt sử kí toàn thư* đã đặt ra câu chuyện bài thơ thần gắn với Lí Thường Kiệt, bởi vua Lí Nhân Tông không phong thưởng, ban thêm mũ tự cho Trương Hồng, Trương Hát như các thần linh khác được chép trong *Việt điện u linh tập*, dù hai thần đã giúp Lí Thường Kiệt đại thắng quân Tống. Xem thêm Nguyễn Thị Oanh, “Văn bản xưa nhất về truyền thuyết trong có bài thơ *Nam quốc sơn hà*,” 33-42.

chuyện, nói rằng có thần cho bốn câu thơ...”<sup>1</sup>. Từ đó, sách vở đời sau và nhiều nhà nghiên cứu đều mặc nhiên coi tác giả bài thơ là Lí Thường Kiệt. Nhưng các tư liệu hiện có như các thần tích, sử sách, địa chí, truyền thuyết, truyện kí,... trong kho tàng sách Hán Nôm mà chúng ta có được đều không ghi tên tác giả, thậm chí còn cho thấy Lí Thường Kiệt không phải là người đầu tiên đã sử dụng bài thơ và có lẽ tác phẩm đã ra đời trước khi ông cho đọc trong đền Trương Hống, Trương Hát để khích lệ tướng sĩ trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 1076 trên phòng tuyến sông Như Nguyệt. Học giả Hà Văn Tấn đã khẳng định: “Không một nhà sử học nào có thể chứng minh được rằng bài thơ *Nam quốc sơn hà* là của Lí Thường Kiệt. Không một sử liệu nào cho biết điều đó cả”<sup>2</sup>.

Theo nhà nghiên cứu Trần Nghĩa, ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Viện Sử học hiện lưu trữ khoảng 26 văn bản bài thơ này<sup>3</sup>. Bùi Duy Tân đưa ra thông tin là 31 văn bản<sup>4</sup>. Đến bài viết của Nguyễn Thị Oanh, con số thống kê lên tới khoảng 35 dị bản sách và 8 dị bản thần tích về truyền thuyết, trong đó có bài thơ được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hiện còn lưu trữ tại các thư viện ở Hà Nội<sup>5</sup>. Nhưng đó chỉ là số lượng của những văn bản thành văn. Vùng sông Cầu có đến 291 xã có miếu, đền thờ thần Trương Hống, Trương Hát. Nếu như mỗi miếu, đền có một thần tích thì số lượng dị bản của bài thơ này còn lớn hơn nhiều. Trong tất cả các văn bản được giới nghiên cứu tìm hiểu ở trên, không có văn bản nào đề rằng Lí Thường Kiệt là tác giả, hoặc trong truyền thuyết là tác giả của *Nam quốc sơn hà*. Không những thế, như Nguyễn Thị Oanh cho biết, “trong các thần tích sưu tầm ở đền họ Trương ở các vùng ven sông Cầu, truyền thuyết trong có bài thơ *Nam quốc sơn hà* phần nhiều được chép gắn với Lê Đại Hành”; “truyền thuyết xưa nhất có bài thơ *Nam quốc sơn hà* là truyền thuyết gắn với Lê Đại Hành”<sup>6</sup>.

Nhiều nhà nghiên cứu đã đoán định ai là tác giả của bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Lê Mạnh Thát cho rằng bài thơ nhiều khả năng là do thiền sư Đỗ Pháp Thuận, quân sư tối cao, người soạn thảo thư hịch cho Lê Hoàn, tác giả bài thơ *Quốc tộ* viết; nhưng ông không đưa ra chứng cứ cụ thể nào thật sự thuyết phục, mặc dù Đỗ Pháp Thuận là người có ưu thế nhất có thể được giao trọng trách này<sup>7</sup>. Nguyễn Thị Oanh dứt khoát cho rằng tác giả bài thơ là Khuông Việt đại sư, một cố vấn quan trọng khác của Lê Hoàn<sup>8</sup>. Viên Như thì khẳng định tác giả là Không Lộ thiền sư<sup>9</sup>. Ngoài ba thiền sư Đỗ Pháp Thuận, Khuông Việt và Không Lộ, giai đoạn này còn có một số vị thiền sư gắn bó với triều đình và luôn mong muốn khẳng định tài năng, ảnh hưởng của mình với nhà vua và triều đình, chẳng hạn Vạn Hạnh (938-1018) - cố vấn cho cả hai triều đại Tiền Lê và Lí. Người nào trong số các trí thức tài năng đó cũng có thể là tác giả của bài

<sup>1</sup> Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, tái bản (NXB Văn hóa thông tin, 1999), 112.

<sup>2</sup> Hà Văn Tấn, “Lịch sử, sự thật và sử học”, Tạp chí *Tổ quốc*, số 401, tháng 1 (1988).

<sup>3</sup> Trần Nghĩa, “Thư xác lập văn bản bài thơ *Nam quốc sơn hà*”.

<sup>4</sup> Bùi Duy Tân, “Truyền thuyết về bài thơ *Nam quốc sơn hà* là vô danh không phải của Lí Thường Kiệt”.

<sup>5</sup> Nguyễn Thị Oanh, “Văn bản xưa nhất về truyền thuyết trong có bài thơ *Nam quốc sơn hà*,” 33-42.

<sup>6</sup> Như trên.

<sup>7</sup> Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập 2 (NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001), 473-483.

<sup>8</sup> Nguyễn Thị Oanh, “Tìm tác giả bài thơ *Nam quốc sơn hà*,” trong *Thông báo Hán Nôm học 2008*, Nhiều tác giả (Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, 2008), 776-793.

<sup>9</sup> Viên Như, “Thư tìm hiểu ai là tác giả bài thơ thần *Nam quốc sơn hà*,” *Nghiên cứu lịch sử*, ngày 22.7.2019, <https://nghiencuulichsu.com/2019/07/22/thu-tim-hieu-ai-la-tac-gia-bai-tho-than-nam-quoc-son-ha/>

thơ này. Đây đều là những bậc đại sư tu luyện theo phái Vô Ngôn Thông và Tì ni di lưu chi, chịu ảnh hưởng của Mật tông - tông phái mang nhiều yếu tố thần bí, kì ảo, rất gần gũi với tín ngưỡng thờ cúng thần linh của người Việt thời trung đại. Việc họ sáng tác thơ rồi gán cho thần linh để tạo hiệu ứng tâm linh đối với các tướng sĩ trong những giờ phút cam go là việc làm phù hợp theo phương thức tu hành của các thiền sư thuộc những tông phái này. Thơ, sấm, kệ là những thể loại sáng tác rất quen thuộc của các thiền sư thời Tiền Lê và thời Lí. Hình ảnh “thiên thư” (sách trời) trong *Nam quốc sơn hà* cũng cho thấy ít nhiều dấu ấn cụ thể của họ.

Từ đó, có thể xác định một cách tương đối thời điểm ra đời và tác giả của bài thơ như sau:

i) *Nam quốc sơn hà* là bài thơ mà chúng ta chưa biết một cách chính xác thời gian sáng tác cụ thể. Dựa vào nội dung khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc, gắn liền với những chiến công oanh liệt của Lê Hoàn và Lí Thường Kiệt trên vùng sông Cầu mà bài thơ thể hiện, có thể kết luận rằng tác phẩm nhiều khả năng ra đời vào giai đoạn đầu của thời kì tự chủ (khoảng thế kỉ X) - giai đoạn cần khẳng định độc lập, chủ quyền mới giành được của dân tộc, có thể vào năm Lê Hoàn lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Bài thơ đã được Lí Thường Kiệt sử dụng lại sau Lê Hoàn 96 năm, khi Đại Việt đã giành được độc lập hơn 100 năm. Tại thời điểm ấy, nhiệm vụ không còn là khẳng định độc lập, chủ quyền nữa mà là “mỗi bên hùng cứ một phương”, quân đội Đại Việt đã mạnh đến mức có thể đưa đại quân sang đất của kẻ địch để tiêu diệt lực lượng chủ lực đang chuẩn bị sang xâm lược nước mình. Bài thơ có thể do các trí thức đương thời sáng tác nhưng không ghi tên tác giả với mục đích coi đó là thơ của thần âm phù nhằm tạo hiệu ứng tâm linh, khích lệ tinh thần tướng sĩ trong trận chiến với kẻ thù xâm lược.

ii) Không phải ngẫu nhiên mà bài thơ lại gắn với truyền thuyết về hai anh hùng chống giặc ngoại xâm Trương Hồng, Trương Hát. Thứ nhất, đây là hai vị thần linh thiêng, đền thờ các vị nằm trên vùng sông Cầu, nơi gắn liền với tên tuổi Lê Hoàn, Lí Thường Kiệt cùng những chiến công hiển hách của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Thứ hai, việc bài thơ quan hệ mật thiết với các truyền thuyết dân gian mang tính chất linh thiêng, kì ảo là biểu hiện của *một trong những đặc trưng của văn học, văn hóa ở giai đoạn đầu của thời kì độc lập dân tộc*. Chất kì ảo trong văn học thế kỉ IX - X còn mang đậm màu sắc siêu nhiên, thô phác và gắn liền với tín ngưỡng và văn hóa, văn học dân gian.

### 3. Về phương thức hình thành và chức năng của bài thơ

Tìm đến các vị thần, vong linh các anh hùng dân tộc để cầu mong họ hiển linh trợ giúp luôn là việc làm tất yếu mà các bậc vua chúa phải thực hiện trước các sự kiện trọng đại, đặc biệt là trước các cuộc chiến với kẻ thù xâm lược<sup>1</sup>. *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi lại rằng trước họa xâm lược của quân Tống, Lê Hoàn đã cầu cúng các thần linh bản địa để mong họ âm phù, dương trợ cho việc lãnh đạo quân đội đánh tan giặc Tống<sup>2</sup>. Ông cũng nhờ Khuông Việt đại sư đến núi Vệ Linh, cầu cho quân ta chiến thắng kẻ thù hung bạo<sup>3</sup>. Núi Vệ Linh chính là núi Sóc thuộc

<sup>1</sup> Để biết thêm về vấn đề này, xin xem Vũ Thanh, “Chức năng lễ nghi tâm linh và giá trị văn học trong *Việt điện u linh tập* của Lí Tế Xuyên,” Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 4 (2014): 13-24.

<sup>2</sup> Ngô Sĩ Liên và những người khác, *Đại Việt sử kí toàn thư*, 157-158.

<sup>3</sup> Khuyết danh, *Thiền uyển tập anh*, Ngô Đức Thọ dịch (NXB Văn học, 1993), 45.

dãy Tam Đảo (Hà Nội ngày nay), nơi có đền thờ Phù Đổng thiên vương Thánh Gióng - bậc thánh đứng đầu “tứ bất tử” trong tín ngưỡng thờ thần linh của người Việt. Đền được xây dựng dưới thời vị vua này trị vì (980-1009). Việc thờ cúng và xin các bậc thần linh âm phù, dương trợ rõ ràng đã trở thành một nghi lễ trọng đại có tính chất quốc gia ở thời kì ấy và không phải chỉ dành cho thần thổ địa ở nơi sự kiện lịch sử sẽ diễn ra mà còn được tiến hành với các vị thần tối cao của đất nước.

Sách vở, sử kí còn ghi chép việc hai thần Trương Hồng, Trương Hát đã âm phù cho rất nhiều bậc vua chúa, tướng lĩnh như Nam Tấn vương nhà Ngô, Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lí Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn,... Trong các lần âm phù ấy, có nhiều lần hai thần đã đọc thơ. Đây không phải là một hiện tượng cá biệt mà tương đối phổ biến ở giai đoạn đầu của nền văn học dân tộc. Những bài thơ “thần”, thơ “sấm” với lời lẽ khó hiểu, gắn liền với những truyền thuyết, huyền thoại bí hiểm đã xuất hiện phổ biến từ thế kỉ IX - X, trước các sự kiện chính trị và các biến loạn có tính chất quốc gia như việc Đinh Bộ Lĩnh và con là Đinh Liễn bị giết, sự kiện Đinh Toàn lên ngôi, Lê Hoàn được các cận thần đưa lên ngai vàng. Chẳng hạn, bài “sấm thi” sau đây có liên quan đến việc nhà Tiền Lê thay thế nhà Đinh: “Đỗ Thích giết Đinh Đinh/ Nhà Lê hiện thánh minh/ Cạnh tranh, nhiều kẻ chết/ Đường xá, người vắng tanh”<sup>1</sup>. Sau đó, khi văn học phát triển hơn (lực lượng sáng tác chủ yếu vẫn là các thiền sư), hiện tượng này càng được mở rộng, tiêu biểu là những chùm thơ bí hiểm xuất hiện trước khi Lí Công Uẩn lên ngôi thay nhà Tiền Lê. Khi ấy, sự tàn bạo đến ngu muội của Lê Ngọa Triều đã làm dân chúng phẫn uất và đình thần chán nản. Họ hướng về một người có tài năng, đức độ là Lí Công Uẩn. Hàng loạt tác phẩm nhân danh lực lượng siêu nhiên đã ra đời đề vận động cho công cuộc thay đổi đó. Một bài thơ theo lối chiết tự đã xuất hiện trên một cây gạo bị sét đánh ở châu Cổ Pháp (quê hương Lí Công Uẩn) trong một cơn giông bão: “Thụ căn diều diều/ Mộc biểu thanh thanh/ Hòa đao mộc lạc/ Thập bát tử thành/ Chấn cung hiện nhật/ Đoài cung ảm tinh/ Lục thất niên gian/ Thiên hạ thái bình” (Gốc cây thăm thăm/ Ngọn cây xanh xanh/ Cây hòa đao rụng/ Mười tám hạt thành/ Đông, mặt trời mọc/ Tây, sao náu hình/ Khoảng sáu bảy năm/ Thiên hạ thái bình)<sup>2</sup>. Sư Vạn Hạnh - người được vua Lý Nhân Tông ca ngợi là “thông ba cõi” (trời - đất - người)<sup>3</sup> đã giải thích tính bí hiểm, tiên tri của bài sấm trên như sau: Vua chết non, bầy tôi thịnh vượng, nhà Lê mất, nhà Lí sẽ lên thay, bậc thiên tử xuất hiện ở phương Đông, kẻ thứ dân mất hút ở phương Tây, trong khoảng bảy năm nữa thì thiên hạ thái bình. Còn nhiều bài thơ “thần” khác phục vụ cho mục đích chuẩn bị cho việc Lí Công Uẩn lên ngôi như bài *Đại sơn* (Núi lớn) với tính chất thần bí khá rõ nét, bài *Đại đức* (Đức lớn) được cho là do sư Đa Bảo chùa Kiến Sơ nghe thần đọc để khen đức lớn của Lí Công Uẩn; hoặc bốn bài thơ vọng tới từ mộ Hiên Khánh vương (cha của Lí Công Uẩn) mà sư Vạn Hạnh nghe thấy trong đêm tĩnh mịch và sai người ghi chép lại<sup>4</sup>. Suốt trong một thời gian dài, những điều linh dị như vậy cứ liên tiếp xuất hiện cùng với các bài thơ. Mặc dù không thể xác quyết tác giả của chúng là ai nhưng có thể dự đoán rằng người viết thuộc nhóm Đào Cam Mộc, Vạn Hạnh - những người có nhãn quan chính trị cởi mở, thức thời.

<sup>1</sup> Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 1 (NXB Khoa học xã hội, 1977), 219-200.

<sup>2</sup> Như trên, 223.

<sup>3</sup> Khuyết danh, *Thiền uyển tập anh*, 194.

<sup>4</sup> Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, 219-226.

Bên cạnh những câu sấm ngữ, những bài thơ kì bí không rõ của vị thần linh nào xuất hiện trước các sự kiện lịch sử lớn lao (chủ yếu là trước những thay đổi từ triều đại này sang triều đại khác), còn xuất hiện khá nhiều bài thơ do các thần linh có tên tuổi đọc để âm phù các vị vua chúa, tướng lĩnh, chẳng hạn bài thơ của thổ thần Đàng Châu giúp Lê Long Đĩnh trong cuộc tranh giành quyền lực cuối triều Tiền Lê<sup>1</sup>; bài thơ mà ba vị thần đền Đào Xá (Thanh Thủy, Phú Thọ) đọc để giúp Lí Thường Kiệt thêm ý chí đánh Tống<sup>2</sup>.

Như vậy, sự ra đời của các bài thơ “thần” gắn với những truyền thuyết kì bí xuất phát từ những yêu cầu chính trị cấp bách của đất nước. Có thể nhận thấy dấu vết của những vấn đề lớn, những sự kiện quan trọng lúc bấy giờ qua những mẫu huyền thoại và những bài thơ “thần” kiểu này. *Điều độc đáo là chỉ có thể lí giải một cách thấu đáo ý nghĩa tiên tri mang tính chất thần linh của những bài thơ này khi đặt chúng trong bối cảnh của những huyền thoại xung quanh, giữa chúng có sự lí giải, bổ sung mật thiết cho nhau.*

Các sự việc, hiện tượng nêu trên cho thấy:

i) Cản trở lại bối cảnh lịch sử ở thời điểm bài thơ xuất hiện để hiểu rõ hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Đó là thời kì mà dân chúng còn tin vào sức mạnh của thần linh và việc thờ phụng thần linh, tin rằng tổ tiên linh thiêng luôn gắn bó, quay trở về để giúp đỡ con cháu khi đất nước diễn ra những sự kiện trọng đại. Sự xuất hiện của thần linh và việc âm phù, giúp đỡ của họ sẽ tạo nên sức mạnh của dân tộc, sức mạnh bách chiến, bách thắng trước bất cứ kẻ thù hùng mạnh nào xâm phạm vào lãnh thổ mà cha ông đã đổ bao mồ hôi, xương máu để gìn giữ. Các bậc vua chúa cũng hiểu rất rõ điều đó và trước các sự kiện lịch sử, đặc biệt là trước các cuộc chiến lớn, trước họa ngoại xâm, họ luôn tìm đến các bậc thần linh để nhờ phù hộ. Sự trợ giúp đó sẽ trở nên hiện thực và linh hiển hơn khi các vị thần đọc những bài thơ mang tính sấm kí như những bài hịch khích lệ tinh thần đại quân và báo trước sự thất bại tất yếu của kẻ thù.

ii) Việc *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi lại nhiều câu chuyện thần đọc thơ âm phù cho thấy đây là một hiện tượng khá phổ biến ở thế kỉ IX - XI. Các bài thơ trên đều do các bậc đại trí thức đương thời làm ra. Rất nhiều khả năng *Nam quốc sơn hà* đã ra đời theo phương thức sáng tác như vậy. Để bài thơ trở nên linh thiêng, có sức mạnh thu phục nhân tâm, khích lệ sức mạnh tinh thần và thể chất của quân sĩ trước kẻ thù hùng mạnh và làm suy giảm nhuệ khí của quân xâm lược, người sáng tác buộc phải giấu kín tên tuổi và gán những lời thơ mang hào khí do mình sáng tác cho thần linh để tạo sự linh thiêng, tạo hiệu ứng tâm lí<sup>3</sup>. *Nam quốc sơn hà* vừa là một bài **hịch** báo cáo với thiên hạ về chủ quyền và sức mạnh của dân tộc, vừa là một bài **sấm truyền** tiên đoán sự thất bại của kẻ thù xâm lược và khẳng định thắng lợi tất yếu của quân dân Đại Việt. Điều đó sẽ như một lời khích lệ quan trọng, khiến cho ý chí tiêu diệt kẻ thù của các chiến binh dưới quyền chỉ huy của Lê Đại Hành và Lí Thường Kiệt trở nên vô địch, bởi bài

<sup>1</sup> Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, 205-207.

<sup>2</sup> Đinh Gia Khánh, “Sức sống của truyền thống anh hùng trong các nhân vật chính của truyện thần thoại và cổ tích lịch sử,” 139.

<sup>3</sup> Phương thức gán thơ ca, sấm kí cho thần linh còn tồn tại ở các giai đoạn sau này. Chẳng hạn, Phạm Đình Hổ và Nguyễn Ân chép chuyện Nguyễn Trãi lấy mỡ viết lên lá cây trong rừng mấy chữ: “Lê Lợi vi quan, Lê Trãi vi thần” (Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi). Khi kiến ăn mỡ, đục thành nét chữ trên lá cây, những người đi kiếm củi thấy thế thì cho là một sự thiêng liêng, là sự mách bảo của thần linh nên đã bảo nhau đi theo Lê Lợi. Xem Phạm Đình Hổ và Nguyễn Ân, *Tang thương ngẫu lục*, Đạm Nguyên dịch (Bộ Giáo dục xuất bản, 1962), 114-115.

thơ là “tiếng nói” của “thần”, của hồn thiêng sông núi, là ý chí của cả một dân tộc đang quyết hi sinh để bảo vệ độc lập và chủ quyền lãnh thổ. Thần Trương Hồng, Trương Hát với *sự linh thiêng nhân đôi*, hai vị thần nổi danh với những chiến công chống giặc ngoại xâm và sẵn sàng chết để chứng tỏ lòng trung nghĩa - một đức tính vốn được cả thần linh và con người đề cao - đã được chọn để thực hiện sứ mệnh thiêng liêng mà thời đại giao phó. Vì vậy, khi nghiên cứu, tìm hiểu *Nam quốc sơn hà*, phải đặt bài thơ trong truyền thuyết, phải gắn với motif “âm phù, dương trợ” của văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, có điều chắc chắn là truyền thuyết đã xuất hiện trước khi bài thơ ra đời, khi mà sự linh thiêng của hai vị thần, tinh thần yêu nước quật cường của họ đã được lưu truyền rộng rãi trong dân chúng, nhất là trong các chiến binh vùng sông Cầu.

Bài thơ đã được linh thiêng hóa, huyền thoại hóa, truyền thuyết hóa, được lưu truyền như một tác phẩm dân gian, phi thời gian, không gian và có nhiều dị bản, được sửa chữa và thay đổi cho phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. *Nam quốc sơn hà* cũng đã đạt tới vẻ đẹp nghệ thuật, huyền thoại về sự ra đời của tác phẩm cũng tìm được một khung cảnh lí tưởng: Trời đêm tĩnh mịch, sông nước mênh mông, sự căng thẳng của chiến trường và huyền bí của ngôi đền,... Tất cả những yếu tố đó tạo nên không khí thiêng liêng khi bài thơ được ngâm vang, tuyên bố chủ quyền độc lập và cảnh cáo kẻ thù xâm lược. Các chiến binh Đại Việt trong khung cảnh đó đã tiếp nhận bài thơ với niềm tin có màu sắc tôn giáo. Họ chiến đấu và tin tưởng thần linh sẽ ủng hộ mình. Sức mạnh tâm linh khi bài thơ thần vang lên trên không trung rõ ràng là một sự khích lệ, một động lực hết sức lớn lao với các chiến binh nơi chiến địa. Chính sức mạnh tâm linh đó đã giúp cho họ có được tinh thần quật cường trước kẻ thù hung bạo.

#### 4. Kết luận

*Nam quốc sơn hà* nhiều khả năng được ra đời vào thời kì đầu khi nền độc lập, tự chủ của dân tộc Việt còn đang trứng nước và đứng trước thử thách lớn lao, trước các cuộc chiến tranh xâm lược của phong kiến phương Bắc. Bài thơ xuất hiện lần đầu trong trận chiến chống quân Tống của Lê Hoàn trên vùng sông Cầu năm 981, gắn liền với truyền thuyết về hai người anh hùng chống ngoại xâm - hai anh em thần Trương Hồng, Trương Hát. Truyền thuyết cùng với bài thơ còn xuất hiện nhiều lần sau đó để phù trợ cho nhiều bậc vua chúa, tướng lĩnh người Việt trong các cuộc chiến dẹp loạn hoặc chống ngoại xâm, tiêu biểu là chiến thắng lịch sử cũng trên phòng tuyến sông Cầu năm 1076 dưới sự chỉ huy của Thái úy Lí Thường Kiệt để đánh đuổi quân Tống xâm lược. Do phải thực hiện một vai trò vô cùng đặc biệt mang tính tâm linh, tín ngưỡng, phục vụ cho công cuộc bảo vệ và gìn giữ nền độc lập non trẻ của dân tộc, bài thơ không lưu tên tác giả, được gán cho thần linh và lưu truyền trong truyền thuyết như một tác phẩm dân gian, được chính thống hóa trong quốc sử. Bài thơ mở đầu cho một thời kì phát triển mới của đất nước và được coi như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam<sup>1</sup>.

*Nam quốc sơn hà* cũng chính là một trong những bài thơ mở đầu cho nền văn học Việt Nam trung đại được giảng dạy trong chương trình phổ thông. Bởi vậy, cần hiểu rõ phương thức hình thành, chức năng và vấn đề tác giả của bài thơ để truyền đạt tới học sinh và người đọc những nội dung căn bản của tác phẩm.

<sup>1</sup> Trần Thị Vinh, chủ biên, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 2 (NXB Khoa học xã hội, 2013), 289.

**Tài liệu tham khảo**

- Bùi Duy Tân. “Truyền thuyết về bài thơ *Nam quốc sơn hà* là vô danh không phải của Lí Thường Kiệt.” Trong *Khảo và luận một số thể loại, tác gia - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*. Tập 2. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- Đình Gia Khánh. “Sức sống của truyền thống anh hùng trong các nhân vật chính của truyện thần thoại và cổ tích lịch sử.” Trong *Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam*, Nhiều tác giả. NXB Khoa học xã hội, 1971.
- Đình Gia Khánh, chủ biên. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*. Tập 1. NXB Văn hóa, 1976.
- Hà Văn Tấn. “Lịch sử, sự thật và sử học.” Tạp chí *Tổ quốc*, số 401, tháng 1 (1988).
- Khuyết danh. *Thiên uyển tập anh*. Ngô Đức Thọ dịch. NXB Văn học, 1993.
- Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Tập 2. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê. *Đại Việt sử kí toàn thư*. Tập 1. Cao Huy Giu phiên dịch. NXB Khoa học xã hội, 1967.
- Nguyễn Đăng Na, chủ biên. *Tinh tuyển văn học Việt Nam*. Tập 3: Văn học thế kỉ X-XIV. NXB Khoa học xã hội, 2004.
- Nguyễn Thị Oanh. “Văn bản xưa nhất về truyền thuyết trong có bài thơ *Nam quốc sơn hà*.” Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2 (2002): 33-42.
- Nguyễn Thị Oanh. “Tìm tác giả bài thơ *Nam quốc sơn hà*.” Trong *Thông báo Hán Nôm học 2008*, Nhiều tác giả. Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, 2008.
- Phạm Đình Hồ và Nguyễn Ân. *Tang thương ngẫu lục*. Đạm Nguyên dịch. Bộ Giáo dục xuất bản, 1962.
- Trần Nghĩa. “Thử xác lập văn bản bài thơ *Nam quốc sơn hà*.” Tạp chí *Hán Nôm*, số 1 (1986).
- Trần Thị Vinh, chủ biên. *Lịch sử Việt Nam*, Tập 2. NXB Khoa học xã hội, 2013.
- Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*. Tái bản. NXB Văn hóa thông tin, 1999.
- Viên Như. “Thử tìm hiểu ai là tác giả bài thơ thần *Nam quốc sơn hà*.” *Nghiên cứu lịch sử*, ngày 22.7.2019. <https://nghiencuulichsu.com/2019/07/22/thu-tim-hieu-ai-la-tac-gia-bai-tho-than-nam-quoc-son-ha/>
- Viện Văn học. *Thơ văn Lý - Trần*. Tập 1. NXB Khoa học xã hội, 1977.
- Vũ Thanh. “Chức năng lễ nghi tâm linh và giá trị văn học trong *Việt điện u linh tập* của Lí Tế Xuyên.” Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 4 (2014): 13-24.